

Hồ Chí Minh với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1946-1969) : Luận án TS / Văn Thị Thanh Mai ; Nghd. : PGS. NGND. Lê Mậu Hãn . - H. : ĐHKHXH&NV, 2009 . - 255 tr. + CD-ROM

1. Lý do lựa chọn đề tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đề xuất việc sớm tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người đã có những đóng góp to lớn trong việc sáng lập và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong từng thiết chế của nhà nước (bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), Hồ Chí Minh vừa là người sáng lập, vừa là linh hồn của các cơ quan này. Nhận thức sâu sắc rằng, “vốn bản chất là hiện thân của dân tộc, Quốc hội sẽ làm tất cả những gì mà nhân dân mong muốn” [164; tr. 2], Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm huyết vào việc xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng. Bất kỳ thời điểm lịch sử nào, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Quốc hội - cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân Việt Nam cũng là một thiết chế dân chủ, để thông qua đó nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình. Hồ Chí Minh quan niệm, một khi Quốc hội chưa làm hết chức năng của mình, cũng đồng nghĩa với việc quyền lực của nhân dân chưa được thực hiện một cách đầy đủ.

Lịch sử cách mạng Việt Nam từ sau khi cách mạng tháng Tám 1945 thành công và tiếp đó là những năm kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ đã khẳng định vị trí, vai trò to lớn của Quốc hội với tư cách là cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước

Bước vào thời kỳ đổi mới xây dựng và phát triển đất nước với mốc mở đầu là Đại hội VI của Đảng (12/1986) và đặc biệt với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động” [72; tr.127]; tuyên bố tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng (1/1994): Về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vị trí, vai trò của Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phản ánh trong cơ cấu tính chất đoàn kết dân tộc, và “bao gồm những người đủ kiến thức và năng lực đảm đương trọng trách đó” [263; tr. 24] càng tăng lên mạnh mẽ.

Đặc biệt hơn, khi Ban Bí thư ra Chỉ thị về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới ngày 27/3/2003 yêu cầu: *Đẩy mạnh công tác nghiên cứu toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh gắn chặt với tổng kết thực tiễn góp phần bảo vệ và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước*, thì cùng với việc nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò và ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, việc đi sâu nghiên cứu để làm sáng rõ tư tưởng, sự nghiệp Hồ Chí Minh với tư cách là người tổ chức, đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng và trưởng thành của Quốc hội Việt Nam - cơ quan đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, do nhân dân bầu ra trong 24 năm (1946 -1969) trước đó, càng trở nên cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Với ý nghĩa đó, tôi chọn vấn đề: “*Hồ Chí Minh*

với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946-1969)", làm đề tài luận án Tiến sĩ lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Về mảng đề tài này, mặc dù chưa có một công trình chuyên luận, song hiện đã có hơn 100 công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh được công bố với nhiều góc độ và phạm vi nghiên cứu. Có thể chia thành những nhóm tài liệu như sau:

2.1. Nhóm tài liệu là các công trình chuyên khảo, các bài nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: *Nghiên cứu những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật* của GS. Nguyễn Ngọc Minh, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988; *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới - Sự hình thành và phát triển* của GS. TS. Hoàng Văn Hảo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân* của TS. Nguyễn Đình Lộc, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998; *60 năm nước Cộng hoà XHCN Việt Nam - Một số thành tựu chủ yếu* của Viện Khoa học xã hội, Viện Sử học chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, v.v; *Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật* của Ths. Trần Nghị, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 12/2003; *Pháp luật Việt Nam: 60 năm nhìn lại* của PGS, TS. Phạm Hữu Nghị, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/2005; *Di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước và pháp luật ở nước ta* của TSKH. Đào Trí Úc, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2/1990; *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của GS, TS. Hoàng Văn Hảo, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3/2004, v.v..

Trong các cuốn sách nêu trên, cuốn sách: *55 năm xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, do GS, TS. Lê Hữu Nghĩa và TS. Nguyễn Văn Mạnh đồng chủ biên xuất bản năm 2001 có một số bài nghiên cứu đã đi sâu làm rõ nội dung: Quá trình xây dựng và phát triển thể chế nhà nước, cơ chế thực hiện quyền lực, chế định nguyên thủ quốc gia qua các bản Hiến pháp của Việt Nam, nâng cao hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội, v.v. Tuy nhiên, cuốn sách này cũng như cuốn *Nghiên cứu những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật* của GS. Nguyễn Ngọc Minh; *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật* của Bộ Tư pháp; *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân* của TS. Nguyễn Đình Lộc, phần nội dung nghiên cứu vai trò của Hồ Chí Minh đối với thể chế Quốc hội (với tư cách là một nhánh quyền lực của Nhà nước) trong những năm từ 1960 cho đến khi Người qua đời năm 1969 gần như không có.

Như vậy, nhóm các công trình nêu trên, ở các khía cạnh và mức độ khác nhau đã bước đầu phân tích, làm rõ sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập, xây dựng nhà nước, xây dựng nền pháp luật của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam, đặc biệt là nhu cầu cấp bách của việc tiếp tục xây dựng, tăng cường và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam - nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong những năm thực hiện đường lối đổi mới. Song trong đó chưa thật đi sâu nghiên cứu, làm rõ được vai trò của Hồ Chí Minh với thiết chế quyền lực Quốc hội trong tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1946 đến năm 1969.

2.2. Nhóm tài liệu bao gồm các bài nghiên cứu: *Bốn bản Hiến pháp trong lịch trình 60 năm của nhà nước cách mạng Việt Nam* của Trần Thị Tuyết, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/2005; *Quốc hội*

Việt Nam: 60 năm xây dựng và phát triển của PGS. TS. Bùi Xuân Đức, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/2005; *Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiết chế Chủ tịch nước* của Ths. Bùi Ngọc Sơn, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2005, v.v..các cuốn sách, các kỷ yếu Hội thảo khoa học nghiên cứu về lịch sử Quốc hội, về những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc sáng lập, hoạt động của Quốc hội với tư cách là cơ quan quyền lực cao nhất qua 60 năm xây dựng và trưởng thành. Có thể kể ra đây một số công trình tiêu biểu:

Cuốn *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, Văn phòng Quốc hội, xuất bản năm 1995, gồm các bài nghiên cứu vai trò của Hồ Chí Minh trong việc quyết định triệu tập, hoạt động và những quyết nghị của Quốc dân Đại hội Tân Trào với tư cách là một “tiền Quốc hội”. Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Quốc dân Đại hội “tạo căn cứ pháp lý cho sự ra đời của chế độ cộng hòa dân chủ của nước ta” và chương trình 10 điểm có thể coi “như là Hiến pháp lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” [284; tr. 27]. Luật sư Vũ Đình Hoè khẳng định: Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào thể hiện “khuyňh hướng xã hội của Hiến chính dân chủ Việt Nam” [284; tr. 82]. Còn Vũ Oanh nhấn mạnh rằng: bắt nguồn từ tư tưởng dân quyền và pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nội dung và những việc làm của Đại hội “tạo cơ sở có tính pháp lý cách mạng đầu tiên cho sự ra đời của chế độ mới ở nước ta, Nhà nước của dân, do dân, vì dân” [284; tr. 35], v.v. Qua những bài nghiên cứu này, các tác giả đã khẳng định sự sáng tạo, nhạy bén của Hồ Chí Minh khi quyết định tổ chức Đại hội quốc dân trong đêm trước của cách mạng Tháng Tám 1945.

Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960 của PGS. Lê Mậu Hãn và PGS. TS. Nguyễn Văn Thư, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1994, trình bày sự ra đời và hoạt động của Quốc hội khoá I. Giới thiệu cuốn sách, đồng chí Nông Đức Mạnh đánh giá: Truyền thống yêu nước,

cách mạng và kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội khoá I do Đảng lãnh đạo dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh đang tiếp tục khơi nguồn sáng tạo và soi sáng con đường cho Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vươn lên tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền mang đậm bản sắc Việt Nam và dấu ấn thời đại. Trong cuốn sách này, các tác giả bước đầu trình bày sự đóng góp của Hồ Chí Minh như là kiến trúc sư của Quốc hội khoá I.

Sau đó, năm 2004, Nxb. Chính trị quốc gia lại cho ra mắt cuốn *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960 - 1976* của PGS. Lê Mậu Hãn. Trong cuốn sách này, tác giả cũng đã nêu lên những đóng góp của Hồ Chí Minh trong việc bầu cử và tổ chức của Quốc hội ở các khóa tiếp theo, đồng thời làm rõ vị trí, vai trò, tổ chức bộ máy của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo những chế định của Hiến Pháp 1959; Người cùng Đảng và Chính phủ tổ chức, động viên nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.

Cuốn *Quốc hội Việt Nam trong nhà nước pháp quyền* của PGS.TS. Nguyễn Đăng Dung do Nxb. Đại học Quốc gia, xuất bản năm 2007, cũng dành nhiều trang trình bày nội dung Hồ Chí Minh quyết định Tổng tuyển cử 6/1/1946 để bầu Quốc hội khoá I; nêu rõ vị trí, vai trò của Quốc hội trong thiết chế quyền lực nhà nước được thể hiện qua 4 bản Hiến Pháp (1946, 1959, 1980, 1992), đặc biệt nhấn mạnh việc phải đổi mới tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Quốc hội để Quốc hội thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất theo những quy định của Hiến Pháp 1992 (mà những chế định về Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong đó đã dần trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh trong Hiến Pháp 1959), v.v..

Cuốn *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh* của PGS. Lê Mậu Hãn, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001. Cuốn sách này đặc biệt có những bài: *Hồ Chí*

Minh với sự ra đời của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Quốc hội đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Quốc hội dân tộc thống nhất nghiên cứu trực tiếp về vai trò của Hồ Chí Minh với sự ra đời và hoạt động của Quốc hội khoá I, song trong cuốn sách này; phần nói về vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc hội khoá II và Quốc hội khoá III cũng chưa thật rõ.

Cuốn Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các hiến pháp Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, bao gồm những bài nghiên cứu về Hiến pháp 1946, và các bản Hiến pháp 1959, 1980 và 1992. Từ đó, nêu rõ những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với hai bản Hiến pháp 1946 và 1959, và sự kế thừa những tư tưởng, những nội dung của các điều văn trong hai bản Hiến pháp này với các Hiến pháp sau đó.

Cuốn Kỷ yếu hội thảo: Quá trình hình thành, phát triển và vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới, Văn phòng Quốc hội, Hà Nội, 2001, chủ yếu nghiên cứu những đóng góp của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập, hoạt động của Quốc hội khóa I (1946-1960), còn phần nghiên cứu về vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc hội từ năm 1960 đến năm 1969 cũng chưa thật rõ.

Năm 2006, nhân kỷ niệm 60 năm ngày Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I, Nxb. Chính trị quốc gia đã phối hợp cùng Văn phòng Quốc hội cho ra mắt bạn đọc cuốn: *Quốc hội Việt Nam 60 năm hình thành và phát triển* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học). Từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, các tác giả đã góp phần làm rõ hơn vai trò của Hồ Chí Minh trong việc xúc tiến, tổ chức cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên; ý nghĩa, những bài học kinh nghiệm về sự ra đời của Quốc hội khóa I; quá trình phát triển của Quốc hội qua các giai đoạn cách mạng; đặc biệt là những đóng góp của Người trong việc xây dựng, thực hiện quyền lực của nhân dân, xây dựng hệ thống pháp luật của dân, do

dân, vì dân nhằm xây dựng Quốc hội Việt Nam thực sự là cơ quan đại diện, đại biểu cao nhất của nhân dân (từ tr.323 đến tr.334; tr. 541 đến tr.559). Tuy nhiên, trong cuốn sách này, phần nghiên cứu, làm rõ vai trò, khẳng định những đóng góp của Hồ Chí Minh với Quốc hội giai đoạn 1960-1969 cũng chưa đầy đủ.

Tuy nhiên, cũng giống như nhiều công trình nghiên cứu về Quốc hội, về vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc hội khác, những cuốn sách nêu trên chưa làm rõ được những hoạt động và đóng góp của Người (trên cương vị là Chủ tịch nước) như: là người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt đối nội và đối ngoại, có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ, khi xét thấy cần thiết thì triệu tập và chủ tọa Hội nghị chính trị đặc biệt, v.v.. đối với Quốc hội khoá II và Quốc hội khoá III theo những chế định của Hiến pháp 1959.

Tóm lại, thu thập, phân tích nguồn tài liệu liên quan đến vai trò của Hồ Chí Minh với việc xây dựng Quốc hội từ năm 1946 đến năm 1969, có thể đưa ra những kết luận sau:

Một là, nguồn tư liệu liên quan đến Hồ Chí Minh với việc xây dựng cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất được thể hiện theo 3 khuynh hướng chính:

- Ngoài việc mô tả lịch sử, một trong những trọng tâm nghiên cứu của các công trình này là nêu rõ vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào, những đóng góp của Người đối với sự ra đời và hoạt động của Quốc hội khoá I.

- Các công trình chủ yếu nghiên cứu vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng, thông qua Hiến pháp 1946, 1959 và sự kế thừa, phát triển của các Hiến pháp Việt Nam.

- Các công trình bước đầu nghiên cứu tư tưởng và những đóng góp của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng nhà nước và pháp

luật của dân, do dân, vì dân.

Hai là, tất cả những công trình nêu trên, ở những mức độ khác nhau, đã giúp chúng tôi có những tư liệu cần thiết để có thể đi sâu nghiên cứu vấn đề.

Ba là, nhìn chung các công trình nêu trên chưa đề cập một cách có hệ thống, đầy đủ về quan điểm và những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1946 đến năm 1969 như đề tài chúng tôi đã lựa chọn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

- Làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Xây dựng cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, xây dựng hệ thống pháp luật và việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác với tư cách là lãnh tụ của Đảng và Nhà nước.

- Khẳng định cống hiến của Hồ Chí Minh với Quốc hội khóa I, II, III.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu và nguồn tư liệu như trên, luận án có nhiệm vụ:

- Hệ thống hoá, khái quát hoá những tư liệu đã có, bổ sung thêm những tư liệu mới nhằm đi sâu nghiên cứu quan điểm và hoạt động của Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất qua ba giai đoạn: 1- 12/1946; 12/1946 - 5/1960; 5/1960 - 8/1969.

- Phân tích những điều kiện cụ thể, những quyết nghị của Hồ Chí Minh và Quốc hội trong việc thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp,

quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước qua các giai đoạn lịch sử.

4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phương pháp lịch sử và lôgic
- Phương pháp phân tích và tổng hợp
- Phương pháp so sánh và hệ thống hoá

Nguồn tài liệu

Tài liệu đã xuất bản

- Văn kiện Đảng Toàn tập, Hồ Chí Minh Toàn tập, Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử, Văn kiện Quốc hội toàn tập, các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh về Quốc hội, tại Quốc hội khoá I, II, III là những tài liệu quan trọng của luận án.

- Một số hồi ký của các đại biểu Quốc hội về giai đoạn 1946 -1969; các công trình nghiên cứu khoa học, các bài báo, sách, các chuyên luận của các nhà nghiên cứu viết về Quốc hội khoá I, II, III, về tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; một số công trình nghiên cứu lịch sử về giai đoạn này do các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín công bố như: Tạp chí Lịch sử Đảng, Nhà nước và pháp luật, Nghiên cứu Lịch sử, Cộng sản, v.v.. là những nguồn tư liệu bổ trợ để làm sáng tỏ những vấn đề liên quan đến vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tài liệu chưa xuất bản

Các tài liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh tại Quốc hội, với Quốc hội; tổ chức và hoạt động của Quốc hội khoá I, II, III hiện lưu tại Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III - Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan điểm, hoạt động của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Nhà nước, xây dựng và phát triển của Quốc hội Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1969.

Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những quan điểm, những hoạt động chính, quan trọng của Hồ Chí Minh, thể hiện những đóng góp của Người đối với việc xây dựng cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (Quốc hội) từ năm 1946 đến năm 1969.

6. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở tập hợp, hệ thống hoá, bổ sung tư liệu mới, xử lý nguồn tư liệu một cách khoa học, luận án có những đóng góp sau:

Về mặt khoa học

- Góp phần làm sáng tỏ hệ thống quan điểm và sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân qua quá trình sáng lập, hoạt động của Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân từ năm 1946 đến năm 1969.

- Làm rõ vai trò và cống hiến của Hồ Chí Minh với Quốc hội khoá I, II, III trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy môn học lịch sử Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường Đại học và Cao đẳng, đồng thời bước đầu đưa ra một danh mục tài liệu tham khảo về Hồ Chí Minh với Quốc hội khoá I, II, III.

Về mặt tư liệu

- Luận án cung cấp một số tư liệu mới về Hồ Chí Minh và những hoạt động của Người trong giai đoạn 1946 -1969 chưa được công bố.

- Tài liệu tham khảo và phụ lục của luận án có thể đóng góp cho việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh với Quốc hội nói riêng; nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nói chung.

7. Bố cục của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án gồm 3 chương 7 tiết:

Chương 1: Hồ Chí Minh với việc sáng lập và hoạt động của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 1- 12/1946)

Chương 2: Hồ Chí Minh với việc phát huy vai trò của Quốc hội (12/1946 - 5/1960)

Chương 3: Hồ Chí Minh với Quốc hội giai đoạn từ 5/ 1960 đến 8/1969

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

Chương 1

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC SÁNG LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (THÁNG 1-12/1946)

Chương 1 trình bày quan điểm và đóng góp của Hồ Chí Minh về việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, thực hiện quyền lực của nhân dân trong tiến trình cách mạng tháng Tám 1945; trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946; sức cảm hóa, tinh thần vì đại nghĩa của Người qua việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến; thực hiện những nhiệm vụ về ngoại giao và nội trị; lập Chính phủ kháng chiến, soạn thảo và thông qua bản Hiến pháp 1946 lịch sử.

1.1. HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC SÁNG LẬP QUỐC HỘI KHOÁ I

1.1.1. Lựa chọn và chuẩn bị cho sự ra đời một thể chế nhà nước mới

Luận án mô tả khái quát quá trình khảo nghiệm thực tiễn, sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nhà nước; việc kịp thời thay đổi chiến lược cách mạng, thay đổi mô hình nhà nước tại Hội nghị BCHTU Đảng lần thứ 8 (5/1941); triệu tập Quốc dân Đại hội tại Tân Trào (8/1945), quyết định Tổng khởi nghĩa, thành lập UBDTGP Việt Nam, ... Từ đó, kết luận rằng: trước những biến chuyển của tình hình quốc tế và trong nước, với bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, những quyết định nhạy bén, độc đáo của Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho sự ra đời một thể chế nhà nước mới - nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau đó.

1.1.2. Quyết định sáng suốt và khẩn trương tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khoá I

Luận án đi sâu phân tích sự kiên quyết, quá trình chỉ đạo và thành công của Hồ Chí Minh khi vừa khôn khéo, mềm dẻo, vừa kiên quyết điều hành Chính phủ lâm thời chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín trong bối cảnh đầy khó khăn thử thách của nạn đói, nạn dốt, nạn ngoại xâm cùng sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản động. Vai trò của Người qua việc ban hành các sắc lệnh (số 14, 39, 51, 71/1945) quy định và tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi người dân tham gia cuộc bầu cử Quốc hội; khẳng định tài năng và bản lĩnh chính trị của Người trong quá trình nhân nhượng, ký kết thỏa thuận với tổ chức Việt Quốc, Việt Cách khi quyết định dành 70 ghế trong Quốc hội cho hai đảng phái này không thông qua bầu cử. Với thành công của Tổng tuyển cử 6/1/1946, nhân dân ta đã tự do lựa chọn, tín nhiệm và bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội khoá I.

1.2. HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI TỪ THÁNG 3 ĐẾN THÁNG 10 NĂM 1946

1.2.1. Hồ Chí Minh với trọng trách thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến

Luận án phân tích sự mềm dẻo, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh tại kỳ họp thứ nhất ngày 2/3/1946 Quốc hội khoá I qua sự kiện Người đề nghị Quốc hội truy nhận 70 vị đại biểu của Việt Quốc, Việt Cách; việc Người nỗ lực thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến; đồng thời trình bày nội dung bầu BTTQH, lập Ban dự thảo Hiến pháp của Quốc hội, từ đó luận án nhấn mạnh những đóng góp của Hồ Chí Minh và những cống hiến đó được Quốc hội ghi nhận: *Hồ Chí Minh xứng đáng với Tổ quốc*.

1.2.2. Hồ Chí Minh điều hành Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ Quốc hội đã trao cho Chính phủ về đối nội và đối ngoại

Luận án trình bày khái quát quan điểm chỉ đạo, sự khôn khéo, linh hoạt của Hồ Chí Minh và Chính phủ qua việc ký Hiệp định sơ bộ Việt- Pháp ngày 6/3/1946, đặc biệt là thành công của Người khi ký Tạm ước Việt- Pháp 14/9/1946. Đồng thời, thông qua việc ban hành các văn bản dưới luật, thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân, luận án khẳng định vai trò, uy tín của Hồ Chí Minh trong việc điều hành Chính phủ tranh thủ quỹ thời gian hòa bình để xây dựng thực lực, củng cố nền dân chủ cộng hòa, sẵn sàng tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi chiến tranh lan rộng.

1.3. HỒ CHÍ MINH VỚI TRỌNG TRÁCH ĐIỀU HÀNH SOẠN THẢO DỰ ÁN HIẾN PHÁP 1946 VÀ LẬP CHÍNH PHỦ KHÁNG CHIẾN

1.3.1. Soạn thảo dự án Hiến pháp 1946

Luận án phân tích vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình soạn thảo Dự án Hiến pháp, thực hiện tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Tiếp đó, Dự án Hiến pháp đã được công bố trên báo Cứu quốc ngày 10/11/1945 để toàn dân “đọc kỹ càng và được tự do bàn bạc phê bình”. Sau

khi được tranh luận, thảo luận, bổ sung và sửa từng điều cụ thể, Hiến pháp được Quốc hội thông qua ngày 9/11/1946. Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm Lời nói đầu, 7 chương và 70 điều thực sự là bản Hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện; thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân; thể hiện tính dân tộc, dân chủ, công bình của các giai cấp; tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức, điều hành và quản lý xã hội trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc sau đó.

1.3.2. Lập Chính phủ kháng chiến

Luận án trình bày vai trò của Hồ Chí Minh tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội (28/10 - 9/11/1946). Việc Người trả lời chất vấn tại kỳ họp, thành lập Chính phủ kháng chiến theo sự uỷ quyền của Quốc hội. Đặt quyền lợi của Tổ quốc và nhân dân lên trên hết, Hồ Chí Minh đã thành lập một Chính phủ dân tộc, thống nhất, đại đoàn kết. Chính phủ do Người đứng đầu quyết tâm thực hiện mục đích “trong thì kiến thiết, ngoài thì tranh thủ độc lập và thống nhất của nước nhà”.

Tóm lại, trong chương 1, luận án khẳng định vai trò và những sáng tạo của Hồ Chí Minh khi quyết định từng bước hiện thực hoá tư tưởng quyền lực của nhân dân trong tiến trình cách mạng. Đặc biệt là cống hiến quan trọng của Người trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I. Sau đó, với chức năng quyền hạn của mình, Quốc hội đã thành lập BTTQH, trao trọng trách cho Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ chính thức, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ về đối nội và đối ngoại. Được sự uỷ quyền của Quốc hội, Người và Ban soạn thảo đã xây dựng Hiến pháp 1946. Được Quốc hội thông qua, Hiến pháp 1946 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc điều hành đất nước trong những năm kháng chiến sau đó.

Chương 2

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ

CỦA QUỐC HỘI (12/1946 - 5/1960)

Ở chương 2, luận án đi sâu phân tích những hoạt động, thành công của Hồ Chí Minh trong việc điều hành Chính phủ, phát huy vai trò của BTTQH trong những năm kháng chiến chống Pháp (12/1946 - 7/1954); thực hiện Hiệp định Giơnevơ, xây dựng miền Bắc, thiết thực “chiếu cố miền Nam” trong thời gian từ 8/1954 đến 5/1960. Đồng thời, luận án khẳng định rằng: Với cương vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng và người đứng đầu Chính phủ, Hồ Chí Minh đã trở thành linh hồn của Quốc hội, hướng những hoạt động, quyết nghị của Quốc hội vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam qua mỗi giai đoạn cách mạng.

2.1. HỒ CHÍ MINH VỚI BAN THƯỜNG TRỰC QUỐC HỘI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (12/1946 -7/1954)

2.1.1. Lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến và kiến quốc

Luận án trình bày những hoạt động, những quyết định và vai trò to lớn của Hồ Chí Minh trong việc điều hành Chính phủ tập trung thực hiện nhiệm vụ tăng cường sức mạnh của cơ quan hành pháp; ban hành hệ thống văn bản dưới luật liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội thời chiến với sự giám sát, phối hợp làm việc, trao đổi, đóng góp ý kiến của Ban Thường trực Quốc hội (đại diện là cụ Trưởng ban Bùi Bằng Đoàn). Đồng thời, luận án đi sâu phân tích những hoạt động của Hồ Chí Minh, của Chính phủ, của BTTQH trong việc cố gắng duy trì mối quan hệ với đại biểu Quốc hội, với nhân dân, với chính quyền địa phương nhằm xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, đưa sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc ngày một phát triển.

2.1.2. Hồ Chí Minh với kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khoá I

Luận án đi sâu phân tích vai trò của Hồ Chí Minh tại kỳ họp thứ 3 (1-4/12/1953) của Quốc hội khi quyết định thực hiện CCRĐ, thông qua và ban

hành Luật cải cách ruộng đất; việc Người nêu rõ chính sách ngoại giao của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến chiến tranh Việt - Pháp... Từ đó, luận án khẳng định rằng: Việc Hồ Chí Minh, BTTQH triệu tập kỳ họp này là quyết định kịp thời và cần thiết. Cùng với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II (2/1951), nội dung và quyết nghị của kỳ họp có tác dụng tăng cường sức dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia sau đó.

2.2. HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI (8/1954 - 5/1960)

2.2.1. Hồ Chí Minh với Quốc hội lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ cấp bách

Luận án trình bày những sự kiện chính, làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng với Quốc hội trong việc lãnh đạo nhân dân kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ; đấu tranh với chính quyền Sài Gòn nhằm thực hiện thống nhất nước nhà bằng hiệp thương Tổng tuyển cử; phân tích việc Người điều hành Chính phủ thực hiện nhiệm vụ nội trị, tiếp tục hoàn thành CCRĐ, tiến hành sửa chữa sai lầm trong CCRĐ, tăng cường hoạt động đối ngoại với các nước XHCN anh em và các nước trong khu vực vì mục tiêu: Độc lập, hòa bình, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (đặc biệt là việc Người báo cáo trước Quốc hội chuyến thăm hữu nghị Liên Xô, Trung Quốc, Mông Cổ từ 22/6 đến 22/7/1955; chuyến thăm 9 nước Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Ba Lan, Hunggari, Nam Tư, Anbani, Bungari, Rumani tháng 7/1957).

2.2.2. Hồ Chí Minh với nhiệm vụ lập pháp, lập hiến

Thông qua việc bổ sung các văn bản pháp luật (*Sắc luật về chế độ xuất bản, Sắc luật về chế độ báo chí, Sắc luật về những trường hợp phạm pháp, Sắc luật về cấm mọi hành động đầu cơ, Sắc luật về quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật công đoàn*) và qua

trình sửa đổi Hiến pháp, luận án nêu rõ những đóng góp của Hồ Chí Minh trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật trong điều kiện miền Bắc đang kiến thiết và tiến dần lên xây dựng CNXH, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam. Đặc biệt là sự kế thừa và phát triển của Hiến pháp 1959 so với Hiến pháp 1946 qua những chế định về Quốc hội, về Chủ tịch nước, về Nhà nước...từ đó, khẳng định sự nhất quán tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân là cội nguồn quyền lực của Quốc hội; nêu rõ sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện quyền lực của nhân dân qua thiết chế Quốc hội. Đồng thời, thông qua hoạt động lập hiến và lập pháp của Quốc hội, khẳng định những thành tựu và hạn chế trong hoạt động luật pháp của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Tóm lại, trong chương 2, luận án khẳng định rằng, dù chưa được ban hành, song tinh thần của Hiến pháp 1946 đã được Hồ Chí Minh vận dụng. Nỗ lực và thành công của Hồ Chí Minh trên cương vị lãnh tụ của Đảng và Nhà nước trong việc phát huy vai trò của cơ quan quyền lực tối cao; trong điều hành Chính phủ; trong quyết định thực hiện Cải cách ruộng đất, tiến hành công tác sửa sai; bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân, sửa đổi Hiến pháp; xây dựng và củng cố miền Bắc, ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam.

Chương 3

HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI TRONG GIAI ĐOẠN

TỪ 5/1960 ĐẾN 8/1969

Trong chương 3, luận án trình bày vai trò, đóng góp của Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khoá II và khoá III; trong những hoạt động của Quốc hội, hướng Quốc hội vào nhiệm vụ xây dựng củng cố miền Bắc, ủng hộ và chi viện cho cách mạng miền Nam; đặc biệt là những hoạt động đối nội, trả lời phỏng vấn báo chí, triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt...nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các nước

XHCN, của các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, và của nhân dân Mỹ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

3.1. LÃNH ĐẠO CUỘC BẦU CỬ QUỐC HỘI KHOÁ II VÀ KHOÁ III

3.1.1. Bầu cử Quốc hội khoá II (8/5/1960)

Luận án đi sâu phân tích bối cảnh cả nước đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc, tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, hoàn thành thống nhất Tổ quốc; sự cần thiết của việc tổ chức bầu cử Quốc hội khoá II ở miền Bắc, và việc quyết định lưu nhiệm số đại biểu miền Nam trong Quốc hội do nhân dân miền Nam bầu ra từ ngày 6/1/1946 trên tinh thần vì miền Nam ruột thịt của Quốc hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Luận án trình bày khái quát vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội khoá II ngày 8/5/1960. Với 362 đại biểu, trong đó 91 đại biểu miền Nam lưu nhiệm, qua 4 năm hoạt động với 8 kỳ họp và 72 phiên họp của Ủy ban TVQH, cùng nhiều kỳ họp của các Ủy ban của Quốc hội, Quốc hội khoá II thật sự đại biểu cho lợi ích của nhân dân, tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng thống nhất nước nhà của nhân dân cả nước. Quốc hội đã thay mặt nhân dân quyết định nhiều vấn đề trọng yếu của đất nước, hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân hoạt động có hiệu quả, đồng thời khẳng định chặng đường phát triển mới về tổ chức bộ máy nhà nước, về vai trò của Quốc hội theo những quy định của Hiến pháp 1959.

3.1.2. Bầu cử Quốc hội khoá III (26/4/1964)

Luận án đi sâu phân tích ý nghĩa của việc tiếp tục lưu nhiệm số đại biểu miền Nam trong Quốc hội do nhân dân miền Nam bầu ra từ ngày 6/1/1946. Hướng về một Quốc hội thống nhất, đại diện cho quyền lực tối cao của nhân dân cả nước, Hồ Chí Minh đã đóng góp

vào thành công của cuộc bầu cử Quốc hội khoá III ngày 26/4/1964. Với 455 đại biểu (bao gồm cả 91 đại biểu miền Nam lưu nhiệm) đại diện rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, trong 7 năm với 7 kỳ họp Quốc hội, 95 phiên họp của Ủy ban TVQH, Quốc hội khoá III và các cơ quan của Quốc hội đã tập trung các hoạt động vào việc thiết thực phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

3.2. HỒ CHÍ MINH VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI (5/1960 - 8/1969)

3.2.1. Bổ sung các đạo luật, thực hiện dân chủ cho nhân dân

Luận án phân tích, khẳng định những đóng góp của Hồ Chí Minh trong quá trình hướng hoạt động và quyết nghị của Quốc hội vào việc xây dựng, thông qua các đạo luật, pháp lệnh, nghị quyết nhằm tăng cường pháp chế XHCN, bảo đảm quyền tự do dân chủ cho nhân dân, cổ vũ nhân dân cả nước thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền như: *Luật tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà 1960, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 1960, Luật tổ chức Tòa án nhân dân 1960, Luật sửa đổi và bổ sung Luật nghĩa vụ quân sự 1960, Pháp lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp 1961, Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng 1967...*

Trên cơ sở đó, luận án khẳng định rằng, trong điều kiện lịch sử nhà nước dân chủ cộng hòa làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, những văn bản pháp luật được ban hành dù mới chỉ tập trung vào việc tổ chức bộ máy nhà nước, thực hiện chính sách động viên thời chiến, song cũng đã góp phần củng cố, tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân; phát huy vai trò làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của nhân dân, đồng thời trấn áp kẻ thù chống phá chính quyền cách mạng. Từ đó, luận án cũng chỉ rõ: vì điều kiện tập trung cho nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước nên những văn bản liên quan đến quyền tự do dân chủ của nhân dân chưa được chú trọng. Các văn bản dưới luật thời kỳ này chưa theo kịp đòi

sống thực tiễn, chưa phản ánh đúng thực trạng cuộc sống. Đó là những tồn tại, là nỗi bận tâm, trăn trở của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh. Đó cũng là những hạn chế của công tác xây dựng pháp luật thời kỳ này.

3.2.2. Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam

Luận án trình bày những sự kiện chính, quan trọng trong hoạt động của Quốc hội khoá II, khoá III qua việc quyết định những vấn đề trọng yếu của đất nước như: thông qua kế hoạch nhà nước hàng năm, thông qua ngân sách, ra tuyên bố biếu dương thành tích to lớn của quân dân hai miền Nam Bắc, v.v.. Cùng một tập thể Bộ chính trị mạnh, cùng các cộng sự gần gũi, đoàn kết, luận án khẳng định vai trò nguyên thủ quốc gia của Hồ Chí Minh trong việc cùng Quốc hội, Ủy ban TVQH phê chuẩn và quyết định những vấn đề liên quan đến quốc kế dân sinh, đến sự phát triển của hậu phương miền Bắc, đến tình hình và sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đồng thời, luận án cũng đi sâu phân tích những nỗ lực hoạt động của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh về đối nội và đối ngoại (đi thăm các địa phương, trả lời phỏng vấn, triệu tập và ra nghị quyết của Hội nghị chính trị đặc biệt, gửi và trả lời thư, điện,...) đã góp phần to lớn vào thắng lợi của quân dân hai miền Nam Bắc.

Tóm lại, trong chương 3, luận án khẳng định: Những nỗ lực và đóng góp của Người với tư cách là lãnh tụ của Đảng trong quá trình tổ chức thắng lợi hai cuộc bầu cử Quốc hội khoá II và khoá III ở miền Bắc; trong việc hướng các nội dung kỳ họp và quyết nghị của Quốc hội thực hiện đúng chức năng lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề trọng yếu của quốc gia theo quy định của Hiến pháp 1959. Từ 5/1960 - 8/1969, với việc ban hành các đạo luật, pháp lệnh, sắc lệnh, nghị định, thông tư, nghị quyết, Đảng ta do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch cùng với Quốc hội đã động viên quân dân miền Bắc tập trung mọi nguồn lực để xây dựng và

củng cố hậu phương lớn, ủng hộ và chi viện tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “Hồ Chí Minh với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946-1969)”, luận án đã đạt được những kết quả sau:

1. Tập trung mô tả, đi sâu trình bày nhận thức của Hồ Chí Minh về Quốc hội, hệ thống quan điểm của Người về việc xây dựng Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất trong tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa qua chặng đường tiến triển: 1-12/1946; 12/1946 -5/1960; 5/1960 - 8/1969, từ đó luận giải, khẳng định vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập, hoạt động của Quốc hội theo tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Luận án phân tích sự lựa chọn, quá trình thay đổi và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nhà nước; những quyết định sáng tạo của Người trong cách mạng tháng Tám 1945, trong việc kiên quyết, khôn khéo và nhân nhượng có nguyên tắc để xúc tiến và tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 bầu Quốc hội khoá I.

Nhận thức được tầm quan trọng của Quốc hội - một tiêu chí của nhà nước dân chủ, một hình thức dân chủ để thông qua đó nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình, ngay trong tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã từng bước hiện thực hoá quyền lực của nhân dân. Trong đêm trước của cuộc Tổng khởi nghĩa giành độc lập dân tộc, tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh đã được thực hiện sinh động qua việc quyết định triệu tập, hoạt động và những quyết nghị của Quốc dân Đại hội Tân Trào.

Tiếp đó, Hồ Chí Minh đã có vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo, chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử theo nguyên tắc phổ

thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín đầu tiên ở Việt Nam để sáng lập Quốc hội khóa I. Đó là Quốc hội lập hiến, sau trở thành cơ quan đại biểu cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất - một thiết chế không thể thiếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Với uy tín, vị thế, quyền hạn của mình, được Quốc hội tin nhiệm, trao trọng trách, Hồ Chí Minh đã thành lập Chính phủ chính thức, điều hành Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ nội trị và ngoại giao (ký Hiệp định Sơ bộ Việt-Pháp 6/3/1946, Tạm ước Việt-Pháp 14/9/1946...) trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 12/1946 để củng cố nền dân chủ cộng hòa, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến trong toàn quốc; lãnh đạo nhân dân hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (12/1946 - 7/1954). Trong những năm cả nước đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng, Chủ tịch nước Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng, Quốc hội, Ủy ban TVQH, Chính phủ lãnh đạo nhân dân xây dựng, củng cố miền Bắc, ủng hộ, chi viện cho đồng bào miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng, hoàn thành thống nhất Tổ quốc từ 7/1954 đến 8/1969.

Thông qua những sự kiện chính, quan trọng, những quyết định sáng tạo, kịp thời của Hồ Chí Minh, luận án phân tích, khẳng định vai trò của Người trong quá trình chuẩn bị cho sự ra đời của Chính phủ (cơ quan hành chính cao nhất) và Quốc hội (cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Luận án trình bày và phân tích vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ lập hiến, lập pháp, đặc biệt là quá trình xây dựng Hiến pháp, luật cơ bản nhất của nhà nước qua hai bản Hiến pháp 1946 và 1959 cùng các đạo luật và sắc lệnh; xác định cơ sở pháp lý để thực hiện quyền lực của nhân dân thông qua cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, phấn đấu vì

mục tiêu độc lập tự do của dân tộc ta. Chỉ rõ sự thay đổi, bước phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện quyền lực của nhân dân qua thiết chế Nghị viện/ Quốc hội (khoá I, II, III) trong tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Luận án khẳng định vai trò chỉ đạo của Người trong việc hướng những hoạt động, quyết nghị của Quốc hội tại các kỳ họp từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Thông qua đó, chỉ rõ những thành tựu cũng như những hạn chế trong hoạt động lập pháp của Quốc hội.

Công tác xây dựng luật pháp tuy vẫn còn những tồn tại, song những văn bản dưới luật do Hồ Chí Minh ký và ban hành, những đạo luật, đặc biệt là Luật cải cách ruộng đất được Quốc hội thông qua đã thiết thực đem lại cho nhân dân những quyền tự do dân chủ, kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong điều kiện phải tập trung tất cả cho sự nghiệp kháng chiến.

3. Khôi phục một cách khái quát những hoạt động chính của ba nhiệm kỳ Quốc hội khóa I, II, III trong việc quyết định những vấn đề quan trọng nhất của nước nhà, thể hiện Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân cả nước (đại biểu miền Nam lưu nhiệm trong Quốc hội khóa II, III). Dựng lại một cách khách quan vai trò của Hồ Chí Minh với cương vị lãnh tụ Đảng, Chủ tịch nước, người đứng đầu Chính phủ trong việc phát huy vai trò của BTTQH trong những năm kháng chiến (12/1946 - 7/1954); tập trung các hoạt động, phát huy vai trò của Quốc hội từ 7/1954 đến năm 8/1969 theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, tỏ rõ tiếng nói quyết tâm chống chia cắt đất nước: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (qua quá trình bầu Chính phủ, thực hiện mối quan hệ giữa Đảng, Chính phủ và Quốc hội, việc thực hiện thẩm quyền của Quốc hội). Đó là một Quốc hội của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong các hoạt động, trong từng quyết

ngệ của cơ quan quyền lực cao nhất ở nước ta. Đồng thời, luận án khẳng định vai trò, những đóng góp to lớn của vị nguyên thủ quốc gia Hồ Chí Minh trong hoạt động về đối nội, đối ngoại (qua những chuyến thăm hữu nghị, những bài trả lời phỏng vấn, trong việc củng cố mối quan hệ Việt-Trung-Xô...), đặc biệt là sự kiện Người kịp thời triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt theo quy định của Hiến pháp, pháp luật.

Thông qua việc trình bày vấn đề Hồ Chí Minh với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1946 đến năm 1969, luận án đi tới kết luận rằng, Hồ Chí Minh không chỉ là vị kiến trúc sư của Quốc hội, Người còn là linh hồn Quốc hội trong việc tăng cường hoạt động và phát huy vai trò của cơ quan quyền lực tối cao qua các giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh xứng đáng với danh vị một nguyên thủ quốc gia với tổ chức, bộ máy và hoạt động của Nhà nước tiên tiến, hiện đại. Vì vậy, cùng với sự phát triển của tiến trình cách mạng, quá trình thực hiện sự đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong bộ máy nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, việc tham khảo những thành công và hạn chế trong quá trình xây dựng và hoạt động của Quốc hội từ năm 1946 đến năm 1969 là bổ ích và cần thiết.